

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ : 235/18 Điện Biên Phủ, F15, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM - MST : 0 3 0 2 0 0 0 1 2 6

ĐT : 8983416 – 5120026 Fax : 5120025 – 8980054 E-mail : haxaco@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT QUÝ 3 NĂM 2009**II./ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÝ 3 NĂM 2009**

STT	CHỈ TIÊU	Kỳ Báo Cáo	Lũy Kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	265,290,307,295	773,579,672,757
2	Các khoản giảm trừ	1,338,631,644	3,958,317,365
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	263,951,675,651	769,621,355,392
4	Giá vốn hàng bán	247,546,391,177	717,995,095,528
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	16,405,284,474	51,626,259,864
6	Doanh thu hoạt động tài chính	352,857,884	1,298,340,280
7	Chi phí hoạt động tài chính	599,470,042	5,653,572,903
8	Chi phí bán hàng	9,503,375,369	29,793,980,382
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,140,012,094	7,014,495,585
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4,515,284,853	10,462,551,274
11	Thu nhập khác	1,521,523,264	7,519,167,132
12	Chi phí khác	1,418,816,012	6,552,500,415
13	Lợi nhuận khác	102,707,252	966,666,717
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	4,617,992,105	11,429,217,991
15	Thuế thu nhập phải nộp	837,992,711	3,094,500,274
16	Lợi nhuận sau thuế	3,779,999,394	8,334,717,717

17	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	267,089,385	461,454,897
18	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	3,512,910,009	7,873,262,820
19	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	-	-
20	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	-	-

TP.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN MINH ĐỨC

NGUYỄN THỊ HỒNG KHANH

NGUYỄN VĂN ĐỨC

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ : 235/18 Điện Biên Phủ, F15, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM - MST : 0 3 0 2 0 0 0 1 2 6

ĐT : 8983416 – 5120026 Fax : 5120025 – 8980054 E-mail : haxaco@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT QUÝ 3 NĂM 2009**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT****QUÝ 3 NĂM 2009****I./ BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

STT	NỘI DUNG	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	130,296,034,650	168,779,165,604
1	Tiền mặt	8,950,418,250	30,812,352,565
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5,938,451,335	14,656,025,500
3	Các khoản phải thu	44,449,796,230	23,078,232,403
4	Hàng tồn kho	65,995,819,180	96,292,477,975
5	Tài sản ngắn hạn khác	4,961,549,655	3,940,077,161
II	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	51,116,445,591	48,439,442,645
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	45,819,096,173	42,767,559,196
	- Nguyên giá TSCĐ hữu hình	48,608,513,779	47,994,476,955
	- Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình	(14,435,834,406)	(17,120,287,009)
	- Nguyên giá TSCĐ vô hình	11,658,916,800	11,905,416,280
	- Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ vô hình	(12,500,000)	(38,177,030)
	- Chi phí XDCB dở dang	-	26,130,000
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	6,000,000	6,000,000
5	Lợi thế thương mại	4,800,184,504	4,418,627,952
6	Tài sản dài hạn khác	491,164,914	1,247,255,497
III	TỔNG TÀI SẢN	181,412,480,241	217,218,608,249
IV	NỢ PHẢI TRẢ	74,958,282,609	99,983,598,510
1	Nợ ngắn hạn	74,221,159,009	99,266,092,510
2	Nợ dài hạn	737,123,600	717,506,000
3	Nợ khác	-	-
V	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	101,690,700,624	112,322,589,816
1	Vốn chủ sở hữu	100,533,966,325	111,819,681,090
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	43,312,110,000	80,558,460,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	44,746,960,600	14,380,550,600
	- Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
	- Cổ phiếu quỹ	-	-
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-

	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
	- Các quỹ	7,395,190,726	8,864,300,484
	- Lợi nhuận chưa phân phối	5,079,704,999	8,016,370,006
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	1,156,734,299	502,908,726
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	1,156,734,299	502,908,726
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	4,763,497,008	4,912,419,923
VI	TỔNG NGUỒN VỐN	181,412,480,241	217,218,608,249

TP.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2009

Người lập

Kế Toán Trưởng

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN MINH ĐỨC

NGUYỄN THỊ HỒNG KHANH

NGUYỄN VĂN ĐỨC